

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29/2024/HNGĐ-ST**;

Ngày: 29/01/2024.

V/v *tranh chấp* “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bình;

2. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Thanh Phong - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 432/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Tuyết N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp TP 1, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp TP 1, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Hồng P tự nguyện cưới nhau và sống chung từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh P không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hàn gắn được. Anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chia sẻ với nhau. Nay không còn tình cảm nên chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Phi Y, sinh ngày 07/11/2020 hiện đang sống với anh chị. Khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Hồng P trình bày:*

Anh thống nhất với chị N về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Anh vẫn còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng

Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Phi Y, sinh ngày 07/11/2020 hiện đang sống với anh chị. Trong trường hợp Tòa cho ly hôn thì anh xin được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị N trình bày vợ chồng không còn sống chung từ tháng 12/2023, cháu Y đang sống với chị. Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Bị đơn anh P đồng ý ly hôn, yêu cầu được nuôi cháu Y, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp chị N nuôi con thì anh P không đồng ý cấp dưỡng.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung, chị N xin ly hôn và anh P cũng đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn. Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 07/11/2020 cho chị N nuôi dưỡng, anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hồng P nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh P cư trú tại ấp TP 1, xã TTB, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tuyết N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh P cưới nhau năm 2020, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N xin ly hôn với anh P với lý do bất đồng quan điểm sống, anh P không quan tâm đến vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không hàn gắn được, anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không quan tâm chia sẻ với nhau. Tại phiên tòa chị N vẫn cương quyết xin ly hôn với anh P. Anh P thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn và anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung là cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 07/11/2020. Anh P cũng yêu cầu được nuôi cháu Y. Xét yêu cầu được nuôi con của chị N là có cơ sở, vì cháu Y là con gái, lại đang sống với chị N đã ổn định về chỗ ở, điều kiện sinh hoạt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Y cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu Y mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Tuyết N.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phi Y, sinh ngày 07/11/2020 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Phi Y mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Y đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về án phí: Chị Trương Thị Tuyết N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0026319 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như chị đã nộp xong.

Anh Nguyễn Hồng P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PÊN TOÀ**

Phan Thủy Uyên